



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0015673.24
MSM: VT.24.5851.BT01

Tên mẫu : Bùn thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIỀN HÙNG-BI
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2024
Ngày trả kết quả : 18/12/2024



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Ngưỡng nguy hại
1	pH	-	US EPA Method 9040C + US EPA Method 9040D	7,15	≤ 2 hoặc ≥ 12,5

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,18
1	Asen (As)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,10	8,84
2	Bari (Ba)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 6,0	442
3	Bạc (Ag)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 1,5	22,1
4	Cadimi (Cd)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,009	2,21
5	Chì (Pb)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 2,4	66,3
6	Coban (Co)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	< 1,5	353,6
7	Kẽm (Zn)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	11,9	1.105
8	Niken (Ni)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B	17,7	309,4
9	Selen (Se)	ppm	US EPA Method 3050B + US EPA Method 7010	< 0,15	4,42
10	Thủy ngân (Hg)	ppm	US EPA Method 7471B	< 0,060	0,884
11	Crôm VI (Cr ⁶⁺)	ppm	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	< 2,0	22,1
12	Tổng xyanua (CN ⁻)	ppm	US EPA Method 9013A + US EPA Method 9010C + US EPA Method 9014	< 5,0	130,39
13	Phenol ⁽¹⁾	ppm	US EPA Method 3540C + US EPA Method 3650B + US EPA Method 8041A	< 1,4	4.420





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Hàm lượng tuyệt đối Htc, T = 0,18
14	Tổng dầu	ppm	US EPA Method 9071B	327,9	221
15	Benzen	ppm	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8260D	< 0,025	2,21

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 50:2013/BTNMT
				BT01	Nồng độ ngâm chiết Ctc
1	Tổng dầu	mg/L	US EPA Method 1311 + SMEWW 5520B&F:2023	5,1	50

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả;
- (1) Thông số được phân tích bởi Công ty Cổ phần Kiểm nghiệm Thực phẩm và Môi trường Navitek, Vimcerts 304;
- BT01: Bùn phát sinh từ nhà máy xử lý (N 10°38,596; E 107°4,205);
- QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc



Đinh Tấn Thu





TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0015081.24
MSM: VT.24.5851.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIẾN HÙNG-BI
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2024
Ngày trả kết quả : 13/12/2024



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
1	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,045
2	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0045
3	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09
4	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung (N 10°38,603; E 107°4,177);
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên

Giám đốc

Đinh Tấn Thu



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0015080.24

MSM: VT.24.5851.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT TIẾN HÙNG-BI**
Địa điểm lấy mẫu : KCN Mỹ Xuân B1 – Tiến Hùng, phường Mỹ Xuân, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Số lượng : 01 mẫu
Ngày lấy mẫu : 03/12/2024
Ngày trả kết quả : 13/12/2024



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	29,6	40
2	Độ màu ^(#)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	16	50
3	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	7,09	6 ÷ 9
4	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	7	27
5	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	15	67,5
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	< 5	45
7	Asen (As) ^(#)	mg/L	SMEWW 3114B:2023	< 0,00050	0,045
8	Thủy ngân (Hg) ^(#)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	< 0,00030	0,0045
9	Chì (Pb) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,09
10	Cadimi (Cd) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,00020	0,045
11	Crom VI (Cr ⁶⁺) ^(#)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,0030	0,045
12	Cr ³⁺	mg/L	SMEWW 3113B:2023 + SMEWW 3500-Cr.B:2023	< 0,003	0,18
13	Đồng (Cu) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	1,8
14	Kẽm (Zn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,020	2,7
15	Niken (Ni) ^(#)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	< 0,0020	0,18
16	Mangan (Mn) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,030	0,45
17	Sắt (Fe) ^(#)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	< 0,060	0,9
18	Tổng xyanua (CN ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	< 0,0015	0,063
19	Tổng phenol ^(#)	mg/L	SMEWW 5530B&C:2023	< 0,0020	0,09
20	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 1,2	4,5
21	Sunfua (S ²⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023	< 0,040	0,18
22	Florua (F ⁻) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2023	< 0,10	4,5



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
 Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
 Điện thoại: 028.3620.0147 Fax: 028.62.619.419
 Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
 Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
23	Amoni (NH_4^+) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	1,52	4,5
24	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	5,57	18
25	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,20	3,6
26	Clorua (Cl^-) ^(#)	mg/L	SMEWW 4500. Cl^- .B:2023	89,4	450
27	Clo dư ^(#)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	< 0,03	0,9
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2021	< 0,0100	0,1
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2021	< 0,30	1
30	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	$1,3 \times 10^2$	3.000
31	Tổng PCBs	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3630C + US EPA Method 8270D	< 0,066	50
	PCB_{28}	$\mu\text{g/L}$		< 0,066	-
	PCB_{52}	$\mu\text{g/L}$		< 0,066	-
	PCB_{101}	$\mu\text{g/L}$		< 0,066	-
	PCB_{118}	$\mu\text{g/L}$		< 0,066	-
	PCB_{138}	$\mu\text{g/L}$		< 0,066	-
	PCB_{153}	$\mu\text{g/L}$		< 0,066	-
	PCB_{180}	$\mu\text{g/L}$		< 0,066	-
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	$\mu\text{g/L}$	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	< 0,0060	100
	Aldrin	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	Dieldrin	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	Endrin	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	Endrin keton	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	Endrin aldehyt	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	α -BHC	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	β -BHC	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	γ -BHC	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	δ -BHC	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	2,4'-DDD	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	4,4'-DDD	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	2,4'-DDE	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-
	4,4'-DDE	$\mu\text{g/L}$		< 0,0060	-



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT
				NT01	Cột A, Kq=0,9 và Kf=1
	DDTs	µg/L		< 0,0060	-
	2,4'-DDT	µg/L		< 0,0060	-
	4,4'-DDT	µg/L		< 0,0060	-
	cis-Chlordane	µg/L		< 0,0060	-
	Chlordane	µg/L		< 0,0060	-
	trans-Chlordane	µg/L		< 0,0060	-
	alpha-Endosulfal	µg/L		< 0,0060	-
	beta-Endosulfal	µg/L		< 0,0060	-
	Endosulfan Sunfate	µg/L		< 0,0060	-
	Heptachlor	µg/L		< 0,0060	-
	Heptachlor epoxide	µg/L		< 0,0060	-
	Heptachlor-endo-epoxide	µg/L		< 0,0060	-
	Hexachlorobenzene	µg/L		< 0,006	-
	Methoxychlor	µg/L		< 0,0060	-
33	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	µg/L	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	< 0,0060	1.000
	Azinphos ethyl	µg/L		< 0,0060	-
	Azinphos methyl	µg/L		< 0,0060	-
	Clofenvinphos	µg/L		< 0,0060	-
	Chloropyriphos	µg/L		< 0,0060	-
	Chloropyriphos methyl	µg/L		< 0,0060	-
	Diazinon	µg/L		< 0,006	-
	Dimethoate	µg/L		< 0,0060	-
	Disulfoton	µg/L		< 0,006	-
	Parathion ethyl	µg/L		< 0,006	-
	Bromophos Ethyl	µg/L		< 0,006	-
	Bromophos Methyl	µg/L		< 0,006	-
	Ethion	µg/L		< 0,006	-
	Fenthion	µg/L		< 0,0060	-
	Formothion	µg/L		< 0,0060	-
	Malathion	µg/L		< 0,006	-
	Parathion methyl	µg/L		< 0,006	-

CV VÀ CÔNG
TÂM
ĐO ĐẠC
CÔNG
NAM
IA - VÙNG T



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.3620.0147 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Đầu ra của trạm xử lý nước thải tập trung (N 10°38,603; E 107°4,177);
- QCVN 40:2011/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- ^(*): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Cao Trần Thảo Uyên



Giám đốc

Đinh Tấn Thu